

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HS-ST

Ngày: 23-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Sĩ Tiến

2. Bà Văn Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Ngọc T, sinh năm 1972 tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú: A N, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L (đã chết) và bà Đỗ Thị H (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Thị Phúc H1, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án: Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-3-2025.

Nhân thân:

- Bản án số 421/2009/HSST ngày 15-12-2009 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Ninh Bình) xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 110/2014/HSST ngày 24-4-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Ninh Bình) xử phạt 48 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 20/2021/HS-ST ngày 19-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố

Hồ Chí Minh) bị xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 25-3-2022.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 11-11-2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 – Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 36 phút, ngày 11-11-2025, tại trước địa chỉ I H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng phòng chống ma túy và tội phạm Đồn Biên phòng B, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố H bắt quả tang Lê Ngọc T đang tàng trữ 01 gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh không màu, trong suốt, T để bên trong túi quần bên trái phía trước và một số đồ vật, tài sản có liên quan. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Ngọc T tại phòng số 05 A, địa chỉ số A H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng Bộ đội biên phòng tiếp tục phát hiện trên đầu giường trong phòng có 03 (ba) gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu, trong suốt. Lê Ngọc T khai nhận 04 gói nylon bị thu giữ trên là ma túy tổng hợp dạng đá của T cất giấu nhằm mục đích sử dụng.

Quá trình điều tra, Lê Ngọc T khai nhận: Vào ngày 04-11-2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T gọi qua mạng xã hội Z cho người đàn ông tên Lâm Huy K (tài khoản Z tên “lamhuykhanh”) hỏi mua 300.000đ ma túy đá. K đồng ý bán và hẹn địa điểm giao nhận ma túy tại trước quán C1 H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T đến điểm hẹn trên, K đưa cho T 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy đá, T trả tiền mặt cho K.

Đến ngày 08-11-2025, Lê Ngọc T tiếp tục liên hệ với K qua tài khoản Zalo nêu trên để mua 1.200.000đ ma túy tổng hợp dạng đá. K đồng ý và đến phòng của T tại số E A, địa chỉ số A H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nhận tiền mặt đi lấy ma túy. Khoảng 20 phút sau, K gọi điện cho T hẹn đến khu vực trước quán cà phê số F H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh để giao ma túy. Tại đây, K giao 01 gói ma túy đá cho T xong rồi đi. T cất gói ma túy vào trong người rồi đi về chỗ ở cất giấu để sử dụng dần cho đến bị lực lượng bộ đội Biên phòng Bến Đá bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên.

Tại Kết luận giám định số 9870/KL-KTHS-MT ngày 14-11-2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận:

“- 01 (một) gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh không màu - trong suốt (Ký hiệu mẫu A1) có khối lượng 0,3553 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- 03 (ba) gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh không màu - trong suốt (Ký hiệu mẫu A2) có khối lượng 0,6202 gam, là ma túy, loại Methamphetamine”.

Tại cơ quan điều tra, Lê Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- Đối với ma túy còn lại sau giám định được niêm phong 02 phong bì niêm phong số 9870/1 và 9870/2 ngày 14-11-2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H (mẫu vật đã hết trong quá trình giám định).

- Số tiền 3.426.000đ.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 số IMEI 1: 867939046812658, IMEI 2: 867939046812641 (đã qua sử dụng).

- Đối với 01 xe mô tô mang biển số 72D1-026.88 có số khung RLCM23C10BY046882, số máy 23C11046888. Kết quả xác minh, chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị Hồng L1 đứng tên chủ sở hữu. Chị L1 khai năm 2015 đã bán chiếc xe trên cho người đàn ông tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề mua bán xe cũ nên không có yêu cầu gì. Do không xác minh được ông T2, ngày 26-01-2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra thông báo số H1592/TB-CSMT truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô mang biển số 72D1-026.88 nhưng không có kết quả.

Các vật chứng nêu trên được chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 171/CT-VKSKV11 ngày 20-3-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu, tiêu hủy 02 phong bì niêm phong số 9870/1 và 9870/2 ngày 14-11-2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H.

Trả lại cho bị cáo số tiền 3.426.000đ.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 số IMEI 1: 867939046812658, IMEI 2: 867939046812641 (đã qua sử dụng) và 01 xe mô tô mang biển số 72D1-026.88 có số khung RLCM23C10BY046882, số máy 23C11046888.

- Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 36 phút, ngày 11-11-2025, tại trước địa chỉ I H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Ngọc T có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy, T để bên trong túi quần bên trái phía trước, qua giám định có khối lượng 0,3553 gam, loại Methamphetamine. Khám xét nơi ở của T tại Phòng số 05, AMY H, số A H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, T có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy tại đầu giường trong phòng ngủ, qua giám định có khối lượng 0,6202 gam, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy Lê Ngọc T tàng trữ qua giám định là 0,9755 gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Căn cứ kết quả điều tra, ngày 18-4-2023, Lê Ngọc T bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-3-2025 theo Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 18-4-2023; tại bản án này Lê Ngọc T đã bị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 “Tái phạm”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-3-2025, chưa được xóa án tích.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của con người; đồng thời, đây còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo T có nhân thân rất xấu, năm 2009, từng bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Ninh Bình) xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 421/2009/HSST ngày 15-12-2009; năm 2014, từng bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - tỉnh Ninh Bình) xử phạt 48 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 110/2014/HSST ngày 24-4-2014; đến năm 2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 20/2021/HS-ST ngày 19-01-2021; đến năm 2023, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 18-4-2023, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-3-2025, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy mà Nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) phong bì niêm phong số 9870/1 và 9870/2 ngày 14-11-2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H (mẫu vật đã hết trong quá trình giám định).

Đối với số tiền 3.426.000đ là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 số IMEI 1: 867939046812658, IMEI 2: 867939046812641 (đã qua sử dụng), bị cáo sử dụng điện thoại trên để liên hệ mua ma túy nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô mang biển số 72D1-026.88 có số khung RLCM23C10BY046882, số máy 23C11046888. Kết quả xác minh xác định chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị Hồng L1 đứng tên chủ sở hữu. Chị L1 khai năm 2015 đã bán chiếc xe trên cho người đàn ông tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) và không có yêu cầu gì khác. Bị cáo khai chiếc xe trên là của chị H2 ở địa chỉ I N, phường V, Thành

phố Hồ Chí Minh cho bị cáo mượn nhưng kết quả xác minh không có ai tên H2 ở địa chỉ trên. Cơ quan điều tra đã có Văn bản số H1592/TB-CSMT về việc thông báo truy tìm chủ sở hữu phương tiện liên quan đến vụ án nhưng không có kết quả. Xét thấy, xe mô tô nêu trên bị cáo sử dụng làm phương tiện để đi nhận ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Các nội dung có liên quan khác: Đối với đối tượng tên Lâm Huy K bán ma túy cho T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định truy tìm số H993/QĐ-CSMT ngày 21-01-2026 và Quyết định số H1277/QĐ-CSMT ngày 26-01-2026 về việc tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi của K để tiếp tục điều tra, làm rõ. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-11-2025.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) phong bì niêm phong số 9870/1 và 9870/2 ngày 14-11-2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H.

Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc T số tiền 3.426.000đ (*Ba triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0005244 ngày 25-3-2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A7 số IMEI 1: 867939046812658, IMEI 2: 867939046812641 (đã qua sử dụng).

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 72D1-026.88 có số khung RLCM23C10BY046882, số máy 23C11046888 (đã qua sử dụng).

(*Các vật chứng trên được Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 109/BB-PTHADS ngày 20-3-2026*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo

được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPHCM;
- CQ THAHS Công an TPHCM;
- PC10 Công an TPHCM;
- PV06 Công an TPHCM;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng-
Trại tạm giam số 01-CATPHCM;
- VKSND KV11-TPHCM;
- Phòng THADS KV11-TPHCM;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên